

DOI: 10.62829/VNHN.374.63.69

CẦN HOÀN THIỆN HÀNH LANG PHÁP LÝ CHO KHU CÔNG NGHIỆP SỐ TẬP TRUNG

✍ TS. Lê Văn Hưng
Trường Đại học Kiên Giang

● **TÓM TẮT:** Việc hình thành và phát triển Khu công nghiệp số tập trung (KCNSTT) sẽ tạo ra cơ sở hạ tầng và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số hoạt động; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ số mới; thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hình thành các trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ số phục vụ cho tiến trình chuyển đổi số quốc gia và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, thúc đẩy hình thành và phát triển các KCNSTT phù hợp với điều kiện, tiềm năng lợi thế cạnh tranh tại các địa phương và vùng, bảo đảm hiệu quả đầu tư trong phát triển công nghiệp công nghệ số... Tuy nhiên, để phát huy được tiềm năng, lợi thế của KCNSTT, cần phải hoàn thiện hành lang pháp lý về KCN. Bài viết phân tích và đề cập tới những nội dung đó.

● **Từ khóa:** Hoàn thiện hành lang pháp lý; Khu công nghiệp số; Luật công nghiệp công nghệ số.

● **ABSTRACT:** The establishment and development of Concentrated Digital Industrial Parks (CDIPs) will create infrastructure and a favorable business environment for digital technology enterprises; incubate new digital technology companies; promote startup activities and innovation; and establish digital technology human resource training centers to serve the national digital transformation process as well as the country's industrialization and modernization according to the policies of the Party and State. At the same time, the development of CDIPs should align with local and regional conditions and competitive advantages, ensuring investment efficiency in digital technology industrial development. However, to fully realize the potential and advantages of CDIPs, it is necessary to improve the legal framework governing industrial parks. This article analyzes and addresses these issues.

● **Keywords:** Improving the legal framework; Digital industrial park; Digital technology industry law.

Ngày nhận bài: 10/10/2025 Ngày bình duyệt: 24/10/2025 Ngày duyệt đăng: 10/11/2025

TỔNG QUAN VỀ KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG

Căn cứ khoản 6 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số 2025 giải thích về khu công nghệ số tập trung thì: KCNSTT là khu chức năng, tập trung các hoạt động nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ, đào tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ươm tạo công nghệ số và doanh nghiệp công nghệ số, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các hoạt động khác trong khu.

Đặc điểm của khu công nghiệp tập trung:

- *Vị trí chiến lược:* Thường được đặt ở những vị trí quan trọng, gần cảng biển, sân bay, đường cao tốc hoặc các trung tâm kinh tế lớn, giúp thuận tiện cho việc vận chuyển và giao thương.

- *Hạ tầng hoàn chỉnh:* Được đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ như đường sá, cấp thoát nước, điện, viễn thông, và xử lý nước thải, giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu.

- *Quy hoạch và tổ chức hợp lý:* Được quy hoạch với ranh giới rõ ràng, phân chia các khu vực sản xuất, kho bãi, văn phòng và dịch vụ một cách khoa học, tạo điều kiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.

- *Chính sách ưu đãi:* Hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai và thủ tục hành chính nhanh gọn để thu hút đầu tư, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI.

- *Hỗ trợ và dịch vụ đa dạng:* Cung cấp một hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ như ngân hàng, kho bãi, logistics, nhà ở cho công nhân, trường học, bệnh viện.

- *Không có khu dân cư:* Là khu vực chuyên biệt dành cho sản xuất công nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ, không có dân cư sinh sống.

- *Tích hợp nguồn nhân lực:* Tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thu hút và phát triển nguồn nhân lực tại địa phương.

- *Tăng cường hợp tác:* Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp có thể hợp tác sản xuất và trao đổi công nghệ.

Việc hình thành và phát triển KCNSTT sẽ tạo ra cơ sở hạ tầng và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số hoạt động; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ số mới; thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hình thành các trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ số phục vụ cho tiến trình chuyển đổi số quốc gia và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, thúc đẩy hình thành và phát triển các khu công nghệ số tập trung phù hợp với điều kiện, tiềm năng lợi thế cạnh tranh tại các địa phương và vùng, bảo đảm hiệu quả đầu tư trong phát triển công nghiệp công nghệ số.

CƠ SỞ CHO VIỆC HOÀN THIỆN HÀNH LANG PHÁP LÝ CHO KCNSTT

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, ngày 14/6/2025, Quốc hội ban hành *Luật Công nghiệp công nghệ số*, cùng với sự thay đổi của nhiều cơ chế, chính sách tại các pháp luật chuyên ngành (đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng và quản lý tài sản công). Theo đó, việc xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung (thay thế Nghị định số 154/2013/NĐ-CP) là một yêu cầu cấp bách.

Việc ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung nhằm tạo hành lang pháp lý để xây dựng và phát triển các khu công nghệ số tập trung. Khu công nghệ số tập trung có các mục tiêu: Hình thành trung tâm về công nghệ số, tạo hạ tầng cho ứng dụng và phát triển công nghệ số; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, phục vụ cho việc đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ số; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ số. Hình thành trung tâm cung cấp hạ tầng và các dịch vụ công nghệ

số tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư nhằm thu hút vốn, công nghệ trong và ngoài nước, góp phần xây dựng ngành công nghiệp công nghệ số trở thành ngành công nghiệp nền tảng của quốc gia. Tạo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế, thu hút lao động chất lượng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam; tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có khả năng thay thế nhập khẩu, góp phần thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực. Góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp Việt Nam; nâng cao vị thế, thương hiệu công nghệ số Việt Nam.

Những nội dung chính trong dự thảo Nghị định gồm:

- *Tiêu chí và thành lập*: Quy định rõ các tiêu chí cho khu công nghệ số tập trung; trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng và công nhận.

- *Hỗ trợ và ưu đãi đầu tư*: Đưa ra các chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho các doanh nghiệp hoạt động trong khu, bao gồm cả nhân tài công nghệ số chất lượng cao.

- *Quản lý và vận hành*: Xây dựng cơ chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác hiệu quả khu công nghệ số tập trung.

Bên cạnh đó có một số vấn đề cần hoàn thiện bổ sung là:

- *An ninh quốc phòng*: Đánh giá tác động an ninh quốc phòng trước khi phê duyệt quy hoạch, lựa chọn vị trí. Có cơ chế phối hợp, lấy ý kiến từ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để tránh xây dựng tại các khu vực nhạy cảm.

- *Đầu tư nước ngoài và công nghệ lõi*: Thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ đối với đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ lõi.

- *An ninh mạng*: Bổ sung quy định bắt buộc triển khai hệ thống giám sát an ninh

mạng. Yêu cầu tập trung lưu trữ dữ liệu, bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn an ninh mạng của Việt Nam.

- *Nguồn nhân lực*: Quy định cụ thể các điều kiện để nhân tài, nhân lực công nghệ số chất lượng cao được hưởng các ưu đãi của khu công nghệ số tập

- *Tiêu chí và thành lập*: Quy định rõ các tiêu chí cho khu công nghệ số tập trung, trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng và công nhận.

- *Hỗ trợ và ưu đãi đầu tư*: Đưa ra các chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho các doanh nghiệp hoạt động trong khu, bao gồm cả nhân tài công nghệ số chất lượng cao.

- *Quản lý và vận hành*: Xây dựng cơ chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác hiệu quả khu công nghệ số tập trung.

Việc hoàn thiện hành lang pháp lý cho KCNSTT là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế số hiện nay. Sở dĩ như vậy là xuất phát từ những lý do sau:

1. *Đảm bảo cơ sở pháp lý cho hoạt động của khu công nghiệp số*: KCNSTT là mô hình mới, kết hợp giữa công nghiệp truyền thống và hạ tầng số - công nghệ cao. Hiện nay, khung pháp lý cho mô hình này còn thiếu và chưa đồng bộ, dẫn đến khó khăn khi triển khai (về quản lý, cấp phép, ưu đãi đầu tư, hạ tầng dữ liệu...). Do đó, cần hành lang pháp lý để xác định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia (Nhà nước - doanh nghiệp - nhà đầu tư).

2. *Thu hút đầu tư và bảo vệ quyền lợi các chủ thể*: Nhà đầu tư cần sự ổn định và minh bạch của pháp luật để yên tâm rót vốn. Hành lang pháp lý rõ ràng sẽ giúp: Định danh khu công nghiệp số như một loại hình khu kinh tế đặc thù; Có cơ chế ưu đãi thuế, đất đai, hạ tầng số phù hợp; Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, dữ liệu và an ninh mạng.

3. *Tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ*: KCNSTT là nơi

hội tụ các doanh nghiệp công nghệ, trung tâm R&D, startup, nên cần quy định pháp lý cho: Chia sẻ và lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới; Ứng dụng AI, IoT, blockchain, điện toán đám mây...; Thử nghiệm mô hình sandbox công nghệ. Nếu thiếu khung pháp lý, các hoạt động đổi mới sẽ bị hạn chế hoặc rủi ro cao.

4. *Đảm bảo quản lý nhà nước hiệu quả và an ninh quốc gia*: Quản lý khu công nghiệp số cần cơ chế riêng về: Quản lý hạ tầng số, an toàn thông tin, dữ liệu cá nhân; Giám sát hoạt động chuyển dữ liệu, giao dịch số, hợp đồng điện tử; Đồng bộ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Hành lang pháp lý rõ ràng giúp Nhà nước quản lý được mà vẫn khuyến khích phát triển.

5. *Thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và kinh tế số*: KCNSTT là mô hình hạt nhân trong phát triển kinh tế số, công nghiệp 4.0. Hoàn thiện về pháp lý sẽ giúp tăng cường mối liên kết giữa khu công nghiệp số với trung tâm dữ liệu quốc gia, đô thị thông minh, chính phủ số; Thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện.

Để hoàn thiện hành lang pháp lý cho KCNSTT, cần có hệ thống giải pháp đồng bộ cả về thể chế, chính sách, quản trị và hạ tầng dữ liệu. Cụ thể:

* Nhóm giải pháp về thể chế và khung pháp lý tổng thể:

- *Xây dựng khái niệm và quy định pháp lý rõ ràng về “khu công nghiệp số tập trung”*: Bổ sung định nghĩa vào Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Công nghệ công nghệ cao, Luật Chuyển đổi số. Xác định rõ tính chất: là khu công nghiệp có hạ tầng số hóa toàn diện, hoạt động dựa trên dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, IoT, cloud, và quản trị thông minh.

- *Ban hành nghị định hoặc thông tư hướng dẫn riêng*: Quy định về điều kiện thành lập, tiêu chí công nhận, quy trình quản lý và giám sát. Quy định quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp hạ tầng, doanh nghiệp số

hoạt động trong khu. Có thể thí điểm ở một số địa phương.

Rà soát và sửa đổi các văn bản hiện hành để tương thích: Sửa Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật An ninh mạng, để đồng bộ hóa quy định liên quan đến dữ liệu, hạ tầng số, và mô hình quản lý “ảo - thực”. Cho phép ứng dụng chữ ký số, hợp đồng thông minh, hồ sơ điện tử trong quản trị khu công nghiệp.

* Nhóm giải pháp về quản trị và mô hình vận hành:

- *Thiết lập cơ chế quản lý linh hoạt, số hóa*: Áp dụng hệ thống quản trị khu công nghiệp thông minh (Smart Industrial Park Management System). Cơ quan quản lý nhà nước có thể giám sát qua nền tảng dữ liệu thời gian thực, thay vì thủ tục giấy tờ.

- *Xây dựng cơ chế một cửa điện tử tích hợp*: Cho phép doanh nghiệp thực hiện toàn bộ thủ tục (đăng ký đầu tư, môi trường, lao động, thuế, xuất nhập khẩu) qua nền tảng số duy nhất.

- *Cơ chế thử nghiệm (sandbox) cho đổi mới sáng tạo*: Cho phép doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới (AI, blockchain, IoT) trong phạm vi khu công nghiệp số, có quy định quản lý rủi ro và đánh giá tác động.

* Nhóm giải pháp về hạ tầng dữ liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật:

- *Ban hành bộ tiêu chuẩn quốc gia cho khu công nghiệp số*: Về hạ tầng số (IoT, mạng 5G, trung tâm dữ liệu, an toàn thông tin). Về tương thích dữ liệu giữa các khu công nghiệp và cơ quan quản lý.

- *Quy định rõ cơ chế chia sẻ, bảo vệ và lưu trữ dữ liệu*: Xây dựng quy chuẩn về dữ liệu sản xuất, dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu môi trường. Xác định trách nhiệm của đơn vị quản lý hạ tầng dữ liệu và cơ chế bảo mật.

- *Thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP)*: Cho phép nhà đầu tư hạ tầng công nghệ

(VNPT, Viettel, FPT,...) tham gia cung cấp nền tảng và dịch vụ dữ liệu cho khu công nghiệp số.

* Nhóm giải pháp về chính sách ưu đãi và hỗ trợ doanh nghiệp

- *Ưu đãi về thuế và đất đai*: Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng dữ liệu, điện toán đám mây. Ưu tiên bố trí đất và hỗ trợ chi phí chuyển đổi số.

- *Chính sách hỗ trợ đào tạo nhân lực* số: Khuyến khích mô hình liên kết doanh nghiệp – trường đại học – khu công nghiệp số. Nhà nước có thể tài trợ hoặc miễn giảm chi phí đào tạo nghề số.

- *Hỗ trợ vốn và tín dụng ưu đãi*: Thành lập quỹ đầu tư phát triển khu công nghiệp số (Digital Industrial Park Fund). Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào chuỗi giá trị số hóa.

* Nhóm giải pháp về an toàn, an ninh và giám sát

- *Bổ sung quy định về bảo mật dữ liệu công nghiệp*: Tách bạch giữa dữ liệu doanh nghiệp và dữ liệu quản lý nhà nước. Có cơ chế xử lý vi phạm và bảo vệ quyền sở hữu dữ liệu.

- *Xây dựng hệ thống giám sát an ninh mạng tập trung*: Đảm bảo các khu công nghiệp số không bị tấn công mạng hoặc rò rỉ thông tin nhạy cảm. Kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

Từ thực tiễn đó, những nội dung chính được dự thảo trong Nghị định gồm:

- *Tiêu chí và thành lập*: Quy định rõ các tiêu chí cho khu công nghệ số tập trung; trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng và công nhận.

- *Hỗ trợ và ưu đãi đầu tư*: Đưa ra các chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho các doanh nghiệp hoạt động trong khu, bao gồm cả nhân tài công nghệ số chất lượng cao.

- *Quản lý và vận hành*: Xây dựng cơ chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác hiệu quả khu công nghệ số tập trung.

* Bên cạnh đó có một số vấn đề cần hoàn thiện bổ sung là:

- *An ninh quốc phòng*: Đánh giá tác động an ninh quốc phòng trước khi phê duyệt quy hoạch, lựa chọn vị trí. Có cơ chế phối hợp, lấy ý kiến từ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để tránh xây dựng tại các khu vực nhạy cảm.

- *Đầu tư nước ngoài và công nghệ lõi*: Thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ đối với đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ lõi.

- *An ninh mạng*: Bổ sung quy định bắt buộc triển khai hệ thống giám sát an ninh mạng. Yêu cầu tập trung lưu trữ dữ liệu, bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn an ninh mạng của Việt Nam.

- *Nguồn nhân lực*: Quy định cụ thể các điều kiện để nhân tài, nhân lực công nghệ số chất lượng cao được hưởng các ưu đãi của khu công nghệ số tập

- *Tiêu chí và thành lập*: Quy định rõ các tiêu chí cho khu công nghệ số tập trung, trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng và công nhận.

- *Hỗ trợ và ưu đãi đầu tư*: Đưa ra các chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho các doanh nghiệp hoạt động trong khu, bao gồm cả nhân tài công nghệ số chất lượng cao.

- *Quản lý và vận hành*: Xây dựng cơ chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác hiệu quả khu công nghệ số tập trung.

NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HÀNH LANG PHÁP LÝ CHO KCNSTT

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, việc hình thành và phát triển các khu công nghệ số tập trung (Digital Technology Zones) là bước đi tất yếu nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư và tạo nền tảng cho nền kinh tế

số. Tuy nhiên, để các khu này phát huy hiệu quả, Việt Nam cần sớm hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, minh bạch và phù hợp với thực tiễn phát triển nhanh chóng của công nghệ.

Để hoàn thiện hành lang pháp lý cho KCNSTT, cần có hệ thống giải pháp đồng bộ cả về thể chế, chính sách, quản trị và hạ tầng dữ liệu. Cụ thể:

1. Nhóm giải pháp về thể chế và khung pháp lý tổng thể:

1.1. Xây dựng khái niệm và quy định pháp lý rõ ràng về “khu công nghiệp số tập trung”: Bổ sung định nghĩa vào Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Công nghiệp công nghệ cao, Luật Chuyển đổi số. Xác định rõ tính chất: là khu công nghiệp có hạ tầng số hóa toàn diện, hoạt động dựa trên dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, IoT, cloud, và quản trị thông minh.

1.2. Ban hành nghị định hoặc thông tư hướng dẫn riêng: Quy định về điều kiện thành lập, tiêu chí công nhận, quy trình quản lý và giám sát. Quy định quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp hạ tầng, doanh nghiệp số hoạt động trong khu. Có thể thí điểm ở một số địa phương

1.3. Rà soát và sửa đổi các văn bản hiện hành để tương thích: Sửa Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật An ninh mạng, để đồng bộ hóa quy định liên quan đến dữ liệu, hạ tầng số, và mô hình quản lý “ảo - thực”. Cho phép ứng dụng chữ ký số, hợp đồng thông minh, hồ sơ điện tử trong quản trị khu công nghiệp.

2. Nhóm giải pháp về quản trị và mô hình vận hành:

2.1. Thiết lập cơ chế quản lý linh hoạt, số hóa: Áp dụng hệ thống quản trị khu công nghiệp thông minh (Smart Industrial Park Management System). Cơ quan quản lý nhà nước có thể giám sát qua nền tảng dữ liệu thời gian thực, thay vì thủ tục giấy tờ.

2.2. Xây dựng cơ chế một cửa điện tử tích hợp: Cho phép doanh nghiệp thực hiện

toàn bộ thủ tục (đăng ký đầu tư, môi trường, lao động, thuế, xuất nhập khẩu) qua nền tảng số duy nhất.

2.3. Cơ chế thử nghiệm (sandbox) cho đổi mới sáng tạo: Cho phép doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới (AI, blockchain, IoT) trong phạm vi khu công nghiệp số, có quy định quản lý rủi ro và đánh giá tác động.

3. Nhóm giải pháp về hạ tầng dữ liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật:

3.1. Ban hành bộ tiêu chuẩn quốc gia cho khu công nghiệp số: Về hạ tầng số (IoT, mạng 5G, trung tâm dữ liệu, an toàn thông tin). Về tương thích dữ liệu giữa các khu công nghiệp và cơ quan quản lý.

3.2. Quy định rõ cơ chế chia sẻ, bảo vệ và lưu trữ dữ liệu: Xây dựng quy chuẩn về dữ liệu sản xuất, dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu môi trường. Xác định trách nhiệm của đơn vị quản lý hạ tầng dữ liệu và cơ chế bảo mật.

3.4. Thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP): Cho phép nhà đầu tư hạ tầng công nghệ (VNPT, Viettel, FPT,...) tham gia cung cấp nền tảng và dịch vụ dữ liệu cho khu công nghiệp số.

4. Nhóm giải pháp về chính sách ưu đãi và hỗ trợ doanh nghiệp

4.1. Ưu đãi về thuế và đất đai: Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng dữ liệu, điện toán đám mây. Ưu tiên bố trí đất và hỗ trợ chi phí chuyển đổi số.

4.2. Chính sách hỗ trợ đào tạo nhân lực số: Khuyến khích mô hình liên kết doanh nghiệp – trường đại học – khu công nghiệp số. Nhà nước có thể tài trợ hoặc miễn giảm chi phí đào tạo nghề số.

4.3. Hỗ trợ vốn và tín dụng ưu đãi: Thành lập quỹ đầu tư phát triển khu công nghiệp số (Digital Industrial Park Fund). Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào chuỗi giá trị số hóa.

5. Nhóm giải pháp về an toàn, an ninh và giám sát

5.1. *Bổ sung quy định về bảo mật dữ liệu công nghiệp*: Tách bạch giữa dữ liệu doanh nghiệp và dữ liệu quản lý nhà nước. Có cơ chế xử lý vi phạm và bảo vệ quyền sở hữu dữ liệu.

5.2. *Xây dựng hệ thống giám sát an ninh mạng tập trung*: Đảm bảo các khu công nghệ số không bị tấn công mạng hoặc rò rỉ thông tin nhạy cảm. Kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

Cùng với những nội dung trên, để việc hoàn thiện hành lang pháp lý cho KCNSTT, cần quan tâm lưu ý tới một số nội dung sau:

1. Hành lang pháp lý hiện nay cho các khu công nghệ số vẫn còn thiếu tính thống nhất. Nhiều quy định liên quan đến khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu phần mềm... chưa bao quát được đặc thù của lĩnh vực số như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, an ninh mạng hay giao dịch số xuyên biên giới. Do đó, cần xây dựng một khung pháp lý riêng biệt cho khu công nghệ số tập trung, trong đó xác định rõ chức năng, mô hình quản lý, cơ chế ưu đãi và trách nhiệm của các chủ thể tham gia.

2. Việc hoàn thiện pháp luật phải đi đôi với cải cách thủ tục hành chính và chính sách ưu đãi đặc thù. Các doanh nghiệp công nghệ số cần được hưởng môi trường đầu

tư linh hoạt, quy trình đăng ký – cấp phép nhanh gọn, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho các sản phẩm, dịch vụ mới. Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích đầu tư mạo hiểm, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và cơ chế chia sẻ dữ liệu an toàn giữa khu công nghệ số với các cơ quan nhà nước.

3. Hành lang pháp lý cho khu công nghệ số không chỉ bao gồm luật pháp quốc gia mà còn phải đồng bộ với tiêu chuẩn quốc tế. Việt Nam nên tham khảo kinh nghiệm của các nước có nền công nghệ phát triển như Singapore, Hàn Quốc, Estonia để xây dựng mô hình quản lý dữ liệu, định danh số, thương mại điện tử và bảo vệ quyền riêng tư phù hợp với thông lệ toàn cầu.

4. Yếu tố con người đóng vai trò then chốt trong việc vận hành và giám sát khu công nghệ số. Do đó, pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm đào tạo, thu hút và sử dụng nhân lực công nghệ cao, đồng thời tăng cường cơ chế hợp tác giữa nhà nước, doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu - đào tạo.

Như vậy việc hoàn thiện hành lang pháp lý cho khu công nghệ số tập trung là nhiệm vụ cấp thiết, tạo nền tảng cho Việt Nam tiến tới kinh tế số tự chủ và hội nhập quốc tế. Một hệ thống pháp lý minh bạch, linh hoạt và hiện đại sẽ là “bệ phóng” vững chắc cho quá trình chuyển đổi số quốc gia trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nghị định 35/2022/NĐCP CỦA Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (có hiệu lực từ 15/7/2022).
2. Nghị định 82/2018/NĐCP của Chính phủ về quản lý KCN, KKT
3. Luật Công nghiệp công nghệ số tạo khung pháp lý cho phát triển công

ngiệp số, rất liên quan với khu công nghiệp số.

4. Bài: *Xây dựng hành lang pháp lý để phát triển các loại hình KCN, khu kinh tế mới* (Việt Nam Plus)
5. Bài: *Xây dựng hành lang pháp lý, chính sách ưu đãi để phát triển các loại hình KCN, khu kinh tế mới* (Tạp chí Doanh nghiệp & Kinh tế xanh)